

SƠ NỘI VỤ

NỘI DUNG KIẾN THỨC SÁT HẠCH

I. KIẾN THỨC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC:

1. Luật Viên chức ngày 15/11/2010;
2. Luật Khám, chữa bệnh ngày 23/11/2009;
3. Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của Cơ quan hành chính nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập;
4. 12 điều Y đức (Ban hành kèm theo quyết định số: 2088/BYT-QĐ ngày 06/11/1996 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

II. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH

A. BÁC SĨ RĂNG HÀM MẶT

1. Chữa răng- nội nha
2. Nha chu
3. Cảnh nha
4. Răng trẻ em
5. Phục hình
6. Bệnh học miệng và hàm mặt
7. Chấn thương hàm mặt
8. Phẫu thuật trong miệng

B. BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1. Lý luận Y học cổ truyền

- + Học thuyết Âm dương
- + Học thuyết Ngũ hành
- + Chức năng các tạng phủ
- + Tứ chấn
- + Bát cương
- + Bát pháp
- + Nguyên nhân gây bệnh

2. Châm cứu và huyệt vị

- + Kỹ thuật châm cứu
- + 80 huyệt thường dùng điều trị các chứng bệnh thông thường
- + Các phương pháp kê đơn huyệt
- + Các đơn huyệt điều trị các bệnh thông thường (30 đơn huyệt điều trị các bệnh thường gặp tại cộng đồng)

3. Thuốc y học cổ truyền

+ 8 nhón thuốc cơ bản: Giải biếu, thanh nhiệt, trừ phong thấp, hành khí, hoạt huyết, thuốc bổ, thuốc an thần, thuốc hồi dương cứu nghịch

+ Các phương pháp kê đơn thuốc

4. Bệnh học

8 chứng bệnh thường gặp tại cộng đồng: Cảm cúm, Đau vai gáy, Liệt dây VII ngoại biên, Nỗi mẩn dị ứng, Đau thần kinh tọa, Viêm khớp dạng thấp, Tâm căn suy nhược, Phục hồi di chứng tai biến mạch máu não.

C. BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1. Môi trường nước và sức khoẻ.
2. Hoá chất bảo vệ thực vật.
3. Vai trò, nhu cầu, nguồn gốc các chất dinh dưỡng.
4. Ngộ độc thực phẩm.
5. Hệ thống tổ chức mạng lưới y tế Việt Nam và quản lý nguồn lực y tế.
6. Quản lý các chương trình y tế quốc gia ở tuyến y tế cơ sở.
7. Hành vi và quá trình thay đổi hành vi sức khoẻ.
8. Phương tiện và phương pháp truyền thông giáo dục sức khoẻ.
9. Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm: Đặc điểm dịch tễ học, quá trình dịch và biện pháp phòng chống, giám sát dịch.
10. Nghiên cứu dịch tễ học theo mẫu: Thiết kế nghiên cứu, cở mẫu và kỹ thuật chọn mẫu.

D. BÁC SĨ ĐA KHOA

Phần: Nội khoa

1. Viêm khớp dạng thấp
2. Nhồi máu cơ tim
3. Hen phế quản
4. COPD
5. Bệnh Mạch vành
6. Xuất huyết tiêu hóa
7. Xơ gan
8. Tăng huyết áp
9. Đái Tháo đường
10. Loét dạ dày tá tràng

Phần: Nhi khoa

Xử trí lồng ghép trẻ bệnh (IMCI)

1. Đánh giá, phân loại, điều trị trẻ 2 tháng đến 5 tuổi

- Các dấu hiệu nguy hiểm toàn thân
- Ho hoặc khó thở
- Tiêu chảy (phác đồ A, phác đồ B)
- Kiểm tra suy dinh dưỡng và thiếu máu

Bỏ phần sốt, các vấn đề ở tai, kiểm tra tình trạng tiêm chủng, chăm sóc trẻ khám lại, tham vấn cho bà mẹ.

2. Đánh giá, phân loại trẻ từ 0 – 2 tháng tuổi

- Kiểm tra bệnh rất nặng và tình trạng nhiễm khuẩn tại chỗ
- Kiểm tra vàng da
- Tiêu chảy
- Đánh giá một bùa bú

Phần: Sản khoa

1. Thay đổi giải phẫu và sinh lý của người phụ nữ khi có thai
2. Hậu sản thường
3. Chửa trứng
4. Băng huyết sau sinh
5. U xơ tử cung

Phần: Ngoại khoa

1. Sỏi tiết niệu
2. Lòng ruột cấp ở nhũ nhi
3. Tắc ruột
4. Gãy hai xương cẳng chân
5. Gãy trên lồi cầu xương cánh tay.